| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2023/HC-ST
Ngày 18 - 9 - 2023
*V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phi Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Lập và bà Đinh Thị Kim Thu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Chang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-HC ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HC ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị N

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện*: Ông Ma Ngọc Mạnh L. Địa chỉ: Tổ 1 phường X, thị xã S, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 091, phố Xuân Viên, phường X, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Trinh Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Trọng C. Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin vắng mặt;

- Anh Nguyễn Trọng B. Địa chỉ: Số nhà 113, đường T, tổ 2 phường X, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin vắng mặt;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Người khởi kiện trình bày:***

Khoảng tháng 3/1993, gia đình bà N có khai phá được diện tích đất khoảng 3.000m$^2$ tại khu Dốc Lăn, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố số 3, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai) làm nhà, canh tác, sinh sống và sử dụng ổn định tại khu đất này. Tháng 2/2004, vợ chồng bà N tặng cho con trai là Anh Nguyễn Trọng B toàn bộ diện tích đất (trên đất có 01 ngôi nhà ở), việc tặng cho được lập thành văn bản.

Ngày 28/11/2012 UBND huyện S ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nđể thực hiện dự án Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, thị trấn S. Ngày 28/12/2012 UBND huyện S ra Quyết định số: 3055/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó hộ gia đình bà N được giao 01 suất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất 110%. Ngày 04/4/2022 UBND thị xã S ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ một phần nội dung Quyết định số 3055/QĐ-UBND, trong đó hủy bỏ nội dung giao 01 suất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% đối với hộ bà N. Bà N không đồng ý với các quyết định trên vì lý do sau:

*Thứ nhất, về việc xác định chủ sử dụng đất:* Năm 2004 vợ chồng bà N đã tặng cho anh B toàn bộ nhà đất trên diện tích khai phá, sau khi được tặng cho anh Bđã quản lý, sử dụng ổn định. Thời điểm nhà nước thực hiện thu hồi đất, anh Bbận công tác nên có nhờ bà N và ông C thay mặt anh B thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, khi nhà nước thực hiện thống kê, kiểm đếm đất đai bà N có thông báo cho cán bộ đo đạc biết toàn bộ nhà, đất trên bà đã tặng cho anh B nhưng cán bộ nhà nước cho biết trường hợp của bà N, nếu có cho con thì cũng chỉ được 01 suất tái định cư diện 110% nên vẫn thực hiện thu hồi, bồi thường cho hộ Bà Phạm Thị N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ thì anh B đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và đủ điều kiện được bồi thường về đất, do đó UBND huyện S phải thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho anh Bắc. Việc UBND huyện S ban hành quyết định

thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà N là không đúng chủ sử dụng đất.

*Thứ hai, về xác định loại đất thu hồi:* Quyết định số 2555/QĐ-UBND của UBND huyện S thu hồi 2.417,0m$^2$ đất của hộ bà N, trong đó đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là 1.133,0m$^2$, đất trồng rừng sản xuất là 1.284m$^2$ là không đúng vì trên đất có nhà ở được vợ chồng bà N dựng từ trước, đến năm 2004 đã tặng cho anh B, đến thời điểm thu hồi đất anh B vẫn giữ nguyên hiện trạng sử dụng bao gồm diện tích đất có nhà ở và diện tích đất nông nghiệp xung quanh. Như vậy khi thu hồi đất phải xác định diện tích đất có nhà ở và các công trình phụ là đất ở và bồi thường đất ở theo quy định.

*Thứ ba,* UBND thị xã S ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc huỷ bỏ một phần nội dung quyết định số 3055/QĐ-UBND, trong đó hủy bỏ nội dung giao 01 suất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% đối với hộ bà N là trái pháp luật. Hộ bà N bị thu hồi đất ở, trên thửa đất thu hồi có vợ chồng bà và vợ chồng con trai cùng chung sống và đủ điều kiện tách hộ theo quy định của pháp luật về cư trú nên đủ điều kiện được bố trí tái định cư.

Vì vậy bà Nkhởi kiện đề nghị Tòa án Hủy Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S về việc huỷ bỏ một phần nội dung Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc (đợt 2).

Tại phiên đối thoại, người khởi kiện đã bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án: Huỷ quyết định thu hồi đất số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND huyện S; Huỷ quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 2686/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND huyện S; Huỷ một phần quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư liên quan đến hộ Bà Phạm Thị N; Buộc UBND thị xã S thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho chủ sử dụng đất là Anh Nguyễn Trọng B theo quy định.

***Người bị kiện UBND thị xã S trình bày:***

Diện tích đất của bà Nnằm trong phạm vi dự án Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, UBND huyện S đã thực hiện thu hồi đất của hộ Bà Phạm Thị N tại Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 và phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 28/12/2012, trong đó hộ bà Nđược giao 01 suất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% giá đất do UBND tỉnh quy định theo hình thức định giá. Hộ gia đình đã nhận tiền, bàn giao mặt bằng để thi công dự án.

Sau khi kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ thu hồi, bồi thường của dự án, đối chiếu quy định tại Điều 18, Mục 4, Chương II, Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì hộ bà Nkhông bị thu hồi đất ở, còn nhà ở nơi khác, theo kết quả và báo cáo của thường trực hội đồng bồi thường tại Báo cáo số 446/BC-GPMB-TB ngày 21/12/2012. Do đó bà N không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư. Ngày 04/4/2022 UBND thị xã S đã ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND về việc hủy bỏ một phần nội dung Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 06/12/2012, trong đó hủy bỏ nội dung giao 01 suất đất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% đối với hộ bà N.

Về bồi thường đất, hộ bà N có 05 khẩu trong đó có 04 khẩu đang làm việc tại các cơ quan nhà nước, 01 khẩu hưu trí theo xác nhận của UBND thị trấn, do đó xác định hộ bà N không phải là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên không được bồi thường về đất, được bồi thường tài sản trên đất và được hỗ trợ về đất theo quy định tại Văn bản số 3216/UBND-TNMT ngày 15/10/2012 của UBND tỉnh Lào Cai. UBND thị xã S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Trọng C trình bày:*** Khoảng đầu năm 1993 ông và vợ là bà N khai phá được thửa đất có diện tích khoảng 3.000m2 và dựng nhà trên đất để ở. Tháng 2/2004 vợ chồng ông đã tặng cho anh B toàn bộ nhà, đất trên. Năm 2012 UBND huyện S ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho bà Nđã xâm phạm đến quyền lợi của anh B do xác định không đúng chủ sử dụng đất. UBND huyện S phải thu hồi và bồi thường cho anh B mới đúng chủ sử dụng đất, việc xác định loại đất thu hồi là đất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy ông C nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Trọng B trình bày:*** Tháng 02/2004 anh được bố mẹ tặng cho đất, trên đất có một ngôi nhà ở, nguồn gốc đất là do bố mẹ anh là ông C và bà N khai phá từ năm 1993. Năm 2012 anh nhận được thông tin thửa đất trên sẽ bị thu hồi để thực hiện dự án Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, vì bận công tác nên anh đã nhờ bố mẹ thay mặt anh thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất. Anh B không biết cơ quan nhà nước ra quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với chủ sử dụng đất là bà N. Khi Tòa án ra thông báo đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì anh mới biết các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện S. Anh B cho rằng việc xác định người bị thu hồi đất là bà N và xác định loại đất thu hồi là đất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật. Anh B đề nghị Tòa án  hủy quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012, quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 06/12/2012, quyết định số 3055/QĐ-

UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện S, quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S; Buộc UBND thị xã S thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho anh B theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tuyên hủy quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012, Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 06/12/2012; Buộc UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc Hủy một phần quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 28/12/2012; Hủy Quyết định 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S; Buộc UBND thị xã S thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho anh B theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa người khởi kiện, người bị kiện UBND thị xã S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Bà N khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của UBND huyện S: Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 về bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Huỷ một phần quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Hủy Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S về việc huỷ bỏ một phần nội dung Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Buộc UBND thị xã S thực hiện thống kê,

thu hồi, bồi thường cho chủ sử dụng đất là Anh Nguyễn Trọng B theo quy định. Đây là các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính.

[3. Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 2555/QĐ-UBND ban hành ngày 28/11/2012, Quyết định số 2686/QĐ-UBND ban hành ngày 06/12/2012, Quyết định số 3055/QĐ-UBND ban hành ngày 28/12/2012. Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện bà N biết các quyết định trên của UBND huyện S từ năm 2012. Tuy nhiên người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S nên thời hiệu khởi kiện của bà Nđối với quyết định số 2555/QĐ-UBND, quyết định số 2686/QĐ-UBND, quyết định số 3055/QĐ-UBND được tính lại kể từ thời điểm bà N nhận được quyết định số 293/QĐ-UBND. Ngày 03/4/2023 Bà Ngửi đơn khởi kiện vụ án hành chính qua dịch vụ bưu chính. Như vậy bà N khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định thu hồi đất số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND huyện S:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003, UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với đất của hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy, UBND huyện S ban hành quyết định thu hồi đất số 2555/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 01/12/2011 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 3304/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dự phòng Tây Bắc, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Ngày 08/6/2012 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 1367/QĐ-UBND Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, huyện S.

Ngày 02/02/2012 UBND huyện S ban hành thông báo số 09/TB-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng khu dự phòng Tây Bắc – thị trấn S và thực hiện niêm yết công khai thông báo thu hồi đất theo quy định.

Ngày 07/7/2012 bà Nvà ông C tự kê khai số lượng đất, tài sản, hoa màu.

Ngày 01/8/2012 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiến hành kiểm tra số lượng đất đai, tài sản, hoa màu trên đất bị thu hồi của hộ bà N.

Ngày 28/11/2012 UBND huyện S ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ Bà Phạm Thị N.

Như vậy, Quyết định thu hồi đất được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 39 Luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai (Nghị định 181/2004/NĐ-CP; Nghị định 84/2007/NĐ-CP).

[4.3] Về nội dung quyết định:

Quyết định thu hồi đất số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 có nội dung Thu hồi đất của hộ gia đình bà N với tổng diện tích là 2.417,0m2, trong đó đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là 1.133,0m$^2$, đất trồng rừng sản xuất là 1.284m$^2$ để thực hiện dự án Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc.

Xét về nguồn gốc đất: Tháng 3/1993 vợ chồng bà N và ông C có khai phá được diện tích đất khoảng 3.000m2 tại khu vực Dốc Lăn, thị trấn S, huyện S (nay là tổ dân phố số 3, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Sau khi khai phá đất, gia đình bà N đã làm nhà, canh tác và sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Đến ngày 01/02/2004 bà N và ông C đã viết giấy cho tặng nhà, đất cho con trai là Anh Nguyễn Trọng B, diện tích đất trên chưa được cấp GCNQSDĐ.

Bà Ncho rằng, năm 2004 vợ chồng bà đã tặng cho anh B toàn bộ nhà đất và anh B đã quản lý, sử dụng cho đến thời điểm nhà nước thực hiện thu hồi đất. Việc UBND huyện S thu hồi diện tích đất trên cho hộ bà N mà không thực hiện thu hồi cho anh B là không đúng chủ sử dụng đất.

Xét thấy, theo Giấy cho tặng đất viết tay được lập ngày 01/2/2004 giữa bên cho tặng là ông C, bà N và bên được cho tặng là anh B, có xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố số 11, thị trấn S, không được công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định. Tại thời điểm tặng cho, diện tích trên chưa được cấp GCNQSDĐ, sau khi nhận tặng cho thì anh B cũng không làm thủ tục đăng ký tặng cho quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó việc tặng cho đất giữa ông C, bà N cho anh B là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 106, 129 của Luật đất đai năm 2003.

Năm 2012 nhà, đất mà vợ chồng bà N đã tặng cho anh B nằm trong phạm vi dự án Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, ngày 07/7/2012 bà N và ông C đã tự kê khai toàn bộ đất đai, tài sản, hoa màu trên đất. Đến ngày 01/8/2012 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện S đã tiến hành kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu, bà N và ông C đã nhất trí ký vào biên bản của Hội đồng bồi thường. Ngày 21/12/2012 bà N đã nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án và không có ý kiến gì khác. Theo hồ sơ thu hồi đất do người bị kiện cung cấp không có tài liệu nào thể hiện vợ chồng bà N đã tặng cho anh B diện tích đất trên, quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã bàn giao giấy tờ tặng cho đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Do đó UBND huyện S xác định đối tượng sử dụng đất tại thời điểm thu hồi đất là hộ Bà Phạm Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về xác định loại đất: Theo khoản 1 Điều 14 Luật đất đai năm 2003 quy định về việc xác định loại đất trên thực địa theo các căn cứ sau đây*:"Theo hiện trạng sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt".*

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định về loại đất, mục đích sử dụng đất của mỗi thửa đất được xác định theo một trong các căn cứ sau: *"...Đối với trường hợp chưa có căn cứ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất ổn định, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xác định loại đất, mục đích sử dụng đất"*.

Hộ bà Nsử dụng đất không có giấy về đất theo quy định tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003, nguồn gốc đất là do gia đình bà N khai phá từ năm 1993. Theo giấy xác nhận ngày 10/7/2023 của những hộ dân sinh sống lâu năm gần nhà, đất của bà Nxác nhận, hộ gia đình bà N khai phá diện tích khoảng 3.000m2 tại khu Dốc Lăn, thị trấn S, huyện S từ năm 1993, đến khoảng tháng 6/1993 dựng nhà gỗ, sinh sống sử dụng ổn định không tranh chấp. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì loại đất bị thu hồi của hộ bà Nphải được xác định theo hiện trạng đang sử dụng.

Tại biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu của hộ bà N ngày 01/8/2012, tại thời điểm kiểm tra hiện trạng trên đất bị thu hồi của hộ bà Ncó: 01 nhà gỗ cột tròn đường kính 20cm, mái proximang cao 2,8m (9 x 7,5), diện tích 68m2; 01 trần ván gỗ diện tích 56m2; 01 nhà gỗ cột tròn đường kính 20cm, mái proximang cao 2,8m (8 x 7,5), diện tích 60m2; Gác xép gỗ, diện tích 23,9m2; 01 nhà gỗ cột tròn đường kính 19cm, mái proximang cao 2,8m, diện tích 45m2 và các công trình phục vụ sinh hoạt: Bể nước, nhà vệ sinh, chuồng lợn, đường nước, đường điện, sân, bể phốt, bể muối ăn…

Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ xác định hộ bà N sinh sống, sử dụng nhà và đất ổn định vào mục đích để ở từ năm 1993. Căn cứ vào hiện trạng đang sử dụng đất của hộ bà N thì diện tích có nhà và các công trình phục vụ sinh hoạt phải được xác định là đất ở. UBND huyện S xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của hộ bà N là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và đất trồng rừng sản xuất là không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy quyết định số 2555/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhưng chưa đúng về nội dung nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy một phần quyết định thu hồi đất số 2555/QĐ-UBND.

[5] Xét tính hợp pháp của Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 2686/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND huyện S:

[5.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: UBND huyện S đã thực hiện đúng theo quy định.

[5.2] Về nội dung của quyết định:

Theo quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 2686/QĐ-UBND thì hộ bà Nđược phê duyệt bồi thường với tổng số tiền: 239.144.600 đồng, trong đó: Bồi thường về đất: 0 đồng; Bồi thường tài sản: 130.546.400 đồng; Bồi thường

hoa màu: 67.927.200 đồng; Hỗ trợ theo quy định: 40.171.000 đồng; Thưởng di chuyển: 500.000 đồng; Tái định cư: Không.

Đối với việc bồi thường về đất: Theo giấy xác nhận của những hộ dân sinh sống lâu năm gần nhà, đất của bà Nngày 10/7/2023 thì hộ gia đình bà Nkhai phá và bắt đầu sử dụng đất từ năm 1993, đến khoảng tháng 6/1993 dựng nhà gỗ để ở. Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú của Công an huyện S ngày 18/7/1988 [BL 31] xác nhận Bà Phạm Thị N và Ông Nguyễn Trọng C đăng ký nhân khẩu thường trú tại thị trấn S từ năm 1978. Do đó có căn cứ xác định gia đình bà N và ông C đã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 15/10/1993. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì hộ bà N đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với diện tích đất có nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt nên đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 42 của Luật đất đai năm 2003.

Về giá đất bồi thường: Điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi đất đối với đất sử dụng trước ngày 15/10/1993 không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: "*Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư*".

Như vậy, hộ bà Nđược bồi thường đối với phần diện tích đất có nhà và các công trình phụ, tuy nhiên diện tích đất hiện nay đã thu hồi, san tạo mặt bằng không còn hiện trạng nữa. Căn cứ vào Biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 01/8/2012 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện S, phải xác định diện tích đất của bà N sử dụng vào mục đích ở (có nhà và các công trình phục vụ sinh hoạt) là đất ở, trong đó diện tích thực tế được bồi thường là đất ở không được vượt quá hạn mức giao đất ở theo quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất là 120m2, phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở được bồi thường về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, sau khi đã đối trừ đi diện tích bồi thường về đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư thì diện tích còn lại được xác định là đất trồng cây hàng năm. Quyết định số 2686/QĐ-UBND của UBND huyện S không phê duyệt bồi thường về đất cho hộ bà N là không đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc cấp tái định cư: Khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất như sau: "*Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau:*

*1. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư)".*

Như vậy, điều kiện để được hỗ trợ tái định cư thì hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, không còn đất ở, nhà ở nào khác, phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất. Đối với trường hợp của hộ gia đình bà N, theo Báo cáo số 157/BC-UBND ngày 26/12/2012 của UBND thị trấn S thì bà N đã được cấp GCNQSDĐ năm 2004 diện tích 120m$^2$ tại tổ 11a. Tại Văn bản số 390/CNVPĐK-ĐKĐ ngày 15/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã S thể hiện, thời điểm UBND huyện S thu hồi đất thì bà N và ông C đã được cấp GCNQSDĐ số Đ 797598, số vào sổ cấp GCN: 02316 tại quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 27/9/2004, diện tích 120m$^2$, mục đích sử dụng: T, địa chỉ thửa đất tổ 11, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay là tổ 3, phường P, thị xã S).

Căn cứ vào các văn bản đã viện dẫn ở trên và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ khẳng định hộ bà N sử dụng đất có nhà ở, khi nhà nước thu hồi đất đủ điều kiện được bồi thường về đất ở. Hộ bà N không phải di chuyển chỗ ở, có đất ở, nhà ở khác trên địa bàn phường P, do đó không đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định. Quyết định số 2686/QĐ-UBND không hỗ trợ tái định cư cho hộ bà N là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy Quyết định số 2686/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục nhưng chưa đúng về nội dung nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy quyết định trên.

[6] Xét tính hợp pháp của quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện S và Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S:

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: UBND huyện S (UBND thị xã S) đã thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai 2003; Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo quyết định số 3055/QĐ-UBND của UBND huyện S, hộ bà N được giao 01 suất tái định cư cư phải nộp tiền sử dụng đất là 110%. Như đã phân tích ở phần [5.2] hộ bà N bị thu hồi đất ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở và còn đất ở, nhà ở khác trên địa bàn thị trấn S nên UBND huyện S không hỗ trợ tái định cư cho hộ bà Ntại quyết định số 2686/QĐ-UBND ngà 06/12/2012 là có căn cứ. Tuy nhiên đến ngày 28/12/2012 UBND huyện S lại ban hành quyết định số 3055/QĐ-UBND, trong đó có nội dung giao cho hộ bà N 01 suất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% là không đúng quy định của pháp luật.

Quá trình UBND thị xã S kiểm tra, rà soát lại hồ sơ thu hồi bồi thường của dự án, phát hiện trường hợp của hộ bà N không đủ điều kiện được giao đất tái định cư. Ngày 04/4/2022 UBND thị xã S ban hành quyết định số 293/QĐ-UBND hủy bỏ một phần nội dung quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 06/12/2012, trong đó hủy bỏ nội dung giao 01 suất đất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% đối với hộ bà N. Như vậy, quyết định giao 01 suất tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất bằng 110% đã được UBND thị xã S hủy bỏ tại quyết định số 293/QĐ-UBND là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy một phần quyết định số 3055/QĐ-UBND và quyết định số 293/QĐ-UBND.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện Buộc UBND thị xã S thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho chủ sử dụng đất là Anh Nguyễn Trọng B theo quy định.

Như đã phân tích ở phần [4.3], UBND huyện S xác định đối tượng sử dụng đất tại thời điểm thu hồi là hộ bà N và thực hiện thu hồi đất cho hộ bà N là đúng quy định của pháp luật. Do đó bà N yêu cầu UBND thị xã S phải thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho anh B là không có căn cứ.

[8] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Trọng B cho rằng, anh không biết cơ quan nhà nước ra quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với chủ sử dụng đất là bà Nụ, đến khi Tòa án đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì anh mới biết. Xét thấy, anh Bđã biết được thửa đất mà anh được bố mẹ tặng cho sẽ bị thu hồi để thực hiện dự án Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc từ năm 2012, anh Bđã nhờ bố mẹ thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, bản thân anh đã chuyển sang nhà em gái là Nguyễn Thị H sinh sống để tiện cho việc bàn giao đất, bà N cũng đã bàn giao đất để thực hiện dự án từ năm 2012 đến nay anh B cũng không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án anh Bcũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó không có căn cứ xác định anh B không biết việc nhà nước thu hồi, bồi thường cho bà N.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị N về việc:

- Huỷ quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của UBND huyện S về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân nằm trong vùng quy hoạch xây dựng công trình: Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, thị trấn S;

- Huỷ quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND huyện S về bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị N về việc:

- Huỷ một phần quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc (đợt 2) liên quan đến hộ Bà Phạm Thị N;

- Hủy Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thị xã S về việc huỷ bỏ một phần nội dung Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc (đợt 2).

- Buộc UBND thị xã S thực hiện thống kê, thu hồi, bồi thường cho chủ sử dụng đất là Anh Nguyễn Trọng B theo quy định.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà Phạm Thị N 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000307 ngày 24/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
-TAND cấp cao tại HN;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**Đặng Phi Long**